

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST  
Ngày 25/02/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tôn Phước Thuận;

Ông Nguyễn Văn Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Hải D, sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Trần Thị Mỹ N2 và 02 con sinh năm 2011, 2014;

Tiền án: chưa;

Tiền sự: Ngày 05/01/2020, bị Ủy ban nhân dân xã A ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, trong thời hạn 03 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; chấp hành xong ngày 06/4/2020;

Bị tạm giữ từ ngày 18/11/2020 đến ngày 24/11/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:** Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Nguyễn Bé C, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Huỳnh Ngọc N; vắng mặt.

+ Bà Phan Thị C1; vắng mặt.

+ Bà Dương Kim N1; vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị L; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc B; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 08/10/2020, Lê Hải D đến nhà của Nguyễn Đăng K (bạn của D) tại ấp N, xã N, huyện C chơi và ngủ lại. Đến khoảng 03 giờ ngày 09/10/2020, D thức dậy, phát hiện xe mô tô biển số 67L2-253.46, nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu đỏ - đen của Lê Thị Ngọc T (mẹ ruột của K) đang dựng trong nhà, trên xe còn gắn chìa khóa, không người trông giữ, nên D nảy sinh ý định lấy trộm. D lên dẫn xe mô tô của T ra khỏi nhà, điều khiển xe đến tỉnh Bình Dương để cầm cố, nhưng không được, D quay về thành phố L nhờ C2 (không rõ họ, địa chỉ) cầm cố xe. Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2020, D điều khiển xe mô tô 67L2-253.46, cùng C2 đến trước tiệm game bắn cá “B 79” tại khóm B, phường B, để cầm xe, nhưng chưa được thì bị Công an phường B nghi vấn, kiểm tra tạm giữ xe mô tô biển số 67L2-253.46 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Hải D. D bỏ trốn, đến ngày 18/11/2020 đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L2-253.46, đã trả lại cho Lê Thị Ngọc T; 01 giấy chứng minh nhân dân đã trả lại cho Lê Hải D.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG.TTHS ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô biển số 67L2-253.46, nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu đỏ - đen, trị giá 24.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2020, Dân bị khởi tố, tạm giam để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSCM ngày 14 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Lê Hải D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu do đã bị đưa đi cắt cơn giải độc và bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập. Về xử lý vật chứng, tài sản bị chiếm đoạt cùng giấy tờ kèm theo đã được trả cho bị hại; giấy chứng minh nhân dân do bị cáo đứng tên đã được trả cho bị cáo nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Lê Hải D khai nhận, sau khi liên hệ trước với ông Nguyễn Đăng K, khoảng 18 giờ 00 ngày 08/10/2020, bị cáo từ thành phố L đến nhà của bà Lê Thị Ngọc T (mẹ của K) chơi. Sau khi căn com cùng K, bà Huỳnh Ngọc N (bạn gái của ông K), bị cáo ngủ lại trên võng tại gian nhà trước của bà T. Đến khoảng 03 giờ ngày 09/10/2020, bị cáo thức dậy, phát hiện xe mô tô biển số 67L2-253.46 đang dựng trong nhà, còn gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo lên dẫn xe mô tô biển số 67L2-253.46 ra khỏi nhà, điều khiển xe đến tỉnh Bình Dương để cầm cố. Do không cầm cố được nên bị cáo quay về thành phố L nhờ người tên C2 (không rõ họ, địa chỉ) cầm cố xe dùm. Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô 67L2-253.46 cùng C2 đến trước tiệm game bắn cá “B 79” để cầm xe. Trong lúc đang chờ C2 liên hệ với người nhận cầm xe thì lực lượng Công an yêu cầu bị cáo xuất trình giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ liên quan đến xe mô tô biển số 67L2-253.46. Do sợ bị phát hiện hành vi lấy trộm tài sản nên bị cáo bỏ trốn. Đến ngày 18/11/2020, bị cáo đến Công an huyện C đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/11/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của ông Nguyễn Đăng K, bà Huỳnh Ngọc N về việc bị cáo có đến nhà của bà T (mẹ ông K) chơi và ngủ lại. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/10/2020, ông K, bà N không thấy bị cáo và phát hiện xe mô tô biển số 67L2-253.46 của bà T bị mất nên ông K gọi điện báo cho bà T biết và trình báo Công an xã N; lời khai của bà Lê Thị Ngọc T, ông Nguyễn Bé C về việc được ông K điện thoại cho biết xe mô tô biển số 67L2-253.46, là tài sản riêng của bà T, bị mất trộm; lời khai của các bà Phan Thị C1, Dương Kim N1 về việc nghe ông K nói bị mất trộm xe mô tô biển số 67L2-253.46 vào ngày 09/10/2020; lời khai của các bà Huỳnh Thị L, Nguyễn Thị Ngọc B về việc chứng kiến Công an phường B kiểm tra giấy tờ tùy thân đối với bị cáo trước tiệm game bắn cá “B 79” vào khoảng 08 giờ ngày 10/10/2020. Lợi dụng sơ hở, bị cáo chạy trốn, bỏ lại giấy chứng minh nhân dân và xe mô tô biển số 67L2-253.46.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm: 01 xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L2-253.46 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Hải D.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 67L2-253.46 của bà T.

Theo Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG.TTHS ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô biển số 67L2-253.46, nhãn hiệu Honda, loại Future FI, màu đỏ - đen, trị giá 24.000.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng đêm khuya, tài sản không có người trông coi để thực hiện hành vi chiếm đoạt và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, khi phạm tội, bị cáo đang có tiền sự do bị Ủy ban nhân dân xã A ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” trong thời hạn 03 tháng vào ngày 05/01/2020; chấp hành xong ngày 06/4/2020. Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt.

Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo phải làm thuê kiếm sống, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Bị cáo khai, vào thời điểm bị Công an kiểm tra, bị cáo đang nhờ người tên Cường, ở thành phố L, cầm cố xe mô tô biển số 67L2-253.46 dùm. Tuy nhiên, do bị cáo không cung cấp được và chưa xác định được họ tên, địa chỉ của người tên

Cường nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại 01 xe mô tô biển số 67L2-253.46 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân do bị cáo đứng tên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt cùng giấy tờ kèm theo, bà Thoa không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Lê Hải D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Lê Hải D: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 18/11/2020 (*ngày mười tám, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Lê Hải D phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T, ông Nguyễn Bé C, ông Nguyễn Đăng K là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**